

THÔNG BÁO HÀNG HẢI
Về thông số kỹ thuật của khu vực cầu cảng SSIC, cầu tạm nối dài cầu cảng SSIC và các bến phao TB1, TB2, TB3

HCM – 05 – 2022

Vùng biển: Thành phố Hồ Chí Minh.

Tên luồng: Luồng hàng hải Sài Gòn – Vũng Tàu.

Căn cứ Đơn đề nghị số 49/SSIC-TBCTKT ngày 17/01/2022 của Công ty TNHH MTV Công nghiệp Tàu thủy Sài Gòn về việc đề nghị công bố thông báo hàng hải định kỳ thông số kỹ thuật khu vực cầu cảng SSIC, cầu tạm nối dài cầu cảng SSIC, các bến phao TB1, TB2, TB3 và theo đề nghị của Trưởng phòng An toàn hàng hải.

Thừa ủy quyền của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải, Tổng công ty Bảo đảm an toàn hàng hải miền Nam thông báo về thông số kỹ thuật của khu vực cầu cảng SSIC, cầu tạm nối dài cầu cảng SSIC và các bến phao TB1, TB2, TB3 như sau:

1. Trong phạm vi khảo sát khu nước trước cầu tàu 10.000 DWT và cầu tạm nối dài cầu cảng SSIC, được giới hạn bởi các điểm có tọa độ:

Tên điểm	Hệ VN-2000		Hệ WGS-84	
	Vĩ độ (B)	Kinh độ (L)	Vĩ độ (B)	Kinh độ (L)
A	10°44'52,5" N	106°44'24,6" E	10°44'48,8" N	106°44'31,0" E
B	10°44'48,5" N	106°44'25,3" E	10°44'44,9" N	106°44'31,7" E
C	10°44'47,6" N	106°44'25,5" E	10°44'44,0" N	106°44'31,9" E
D	10°44'46,0" N	106°44'25,6" E	10°44'42,3" N	106°44'32,1" E
E	10°44'45,6" N	106°44'25,6" E	10°44'42,0" N	106°44'32,0" E
F	10°44'43,8" N	106°44'30,1" E	10°44'40,2" N	106°44'36,6" E
BT1	10°44'48,2" N	106°44'29,5" E	10°44'44,6" N	106°44'36,0" E
G	10°44'56,9" N	106°44'29,5" E	10°44'53,2" N	106°44'35,9" E
H	10°44'55,3" N	106°44'24,5" E	10°44'51,7" N	106°44'30,9" E

Độ sâu được xác định bằng máy hồi âm tần số 200 kHz tính đến mực nước "số 0 hải đồ" đạt 1,5 m.

2. Trong phạm vi khảo sát khu nước bến phao neo TB1, được giới hạn bởi các điểm có tọa độ:

Tên điểm	Hệ VN-2000		Hệ WGS-84	
	Vĩ độ (B)	Kinh độ (L)	Vĩ độ (B)	Kinh độ (L)
A1	10°45'33,5" N	106°44'59,9" E	10°45'29,9" N	106°45'06,3" E
B1	10°45'32,8" N	106°45'01,0" E	10°45'29,1" N	106°45'07,4" E
C1	10°45'28,8" N	106°44'58,0" E	10°45'25,1" N	106°45'04,4" E

Tên điểm	Hệ VN-2000		Hệ WGS-84	
	Vĩ độ (B)	Kinh độ (L)	Vĩ độ (B)	Kinh độ (L)
D1	10°45'29,5" N	106°44'56,9" E	10°45'25,9" N	106°45'03,4" E

Độ sâu được xác định bằng máy hồi âm tần số 200 kHz tính đến mực nước “số 0 hải đồ” đạt 2,2 m.

3. Trong phạm vi khảo sát khu nước bến phao neo TB2, được giới hạn bởi các điểm có tọa độ:

Tên điểm	Hệ VN-2000		Hệ WGS-84	
	Vĩ độ (B)	Kinh độ (L)	Vĩ độ (B)	Kinh độ (L)
A2	10°45'26,0" N	106°45'54,4" E	10°45'22,3" N	106°45'00,8" E
B2	10°45'25,1" N	106°45'55,3" E	10°45'21,4" N	106°45'01,7" E
C2	10°45'19,7" N	106°44'50,3" E	10°45'16,1" N	106°44'56,7" E
D2	10°45'20,6" N	106°44'49,3" E	10°45'16,9" N	106°44'55,7" E

Độ sâu được xác định bằng máy hồi âm tần số 200 kHz tính đến mực nước “số 0 hải đồ” đạt 3,6 m.

4. Trong phạm vi khảo sát khu nước bến phao neo TB3, được giới hạn bởi các điểm có tọa độ:

Tên điểm	Hệ VN-2000		Hệ WGS-84	
	Vĩ độ (B)	Kinh độ (L)	Vĩ độ (B)	Kinh độ (L)
B3	10°45'17,1" N	106°44'48,2" E	10°45'13,5" N	106°44'54,6" E
A3	10°45'17,9" N	106°44'47,1" E	10°45'14,2" N	106°44'53,5" E
D3	10°45'11,8" N	106°44'42,7" E	10°45'08,1" N	106°44'49,2" E
C3	10°45'11,1" N	106°44'43,8" E	10°45'07,4" N	106°44'50,2" E

Độ sâu được xác định bằng máy hồi âm tần số 200 kHz tính đến mực nước “số 0 hải đồ” đạt 3,4 m.

Số liệu độ sâu căn cứ bình đồ ký hiệu SSIC01_01_22, SSIC02_01_22, SSIC03_01_22 tỷ lệ 1/1000 do Công ty cổ phần Tư vấn Đầu tư Công trình Hàng hải Việt Nam đo đạc hoàn tháng 01 năm 2022.

Để biết thêm thông tin chi tiết đề nghị liên hệ trực tiếp với Công ty TNHH MTV Công nghiệp Tàu thủy Sài Gòn ⁽¹⁾./. *Quang*

Nơi nhận:

- Cục Hàng hải Việt Nam;
- Cảng vụ Hàng hải thành phố Hồ Chí Minh;
- Cty TNHH MTV Hoa tiêu hàng hải khu vực I;
- Cty TNHH MTV Hoa tiêu Tân Cảng;
- Cty TNHH MTV Thông tin Điện tử Hàng hải Việt Nam;
- Lãnh đạo Tổng công ty BDATHH miền Nam;
- website www.vms-south.vn;
- Phòng: KTKH, KT, HTQT & QLHT;
- Lưu VT-VP, P.ATHH_{Năng}.

**KT. TỔNG GIÁM ĐỐC
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC**



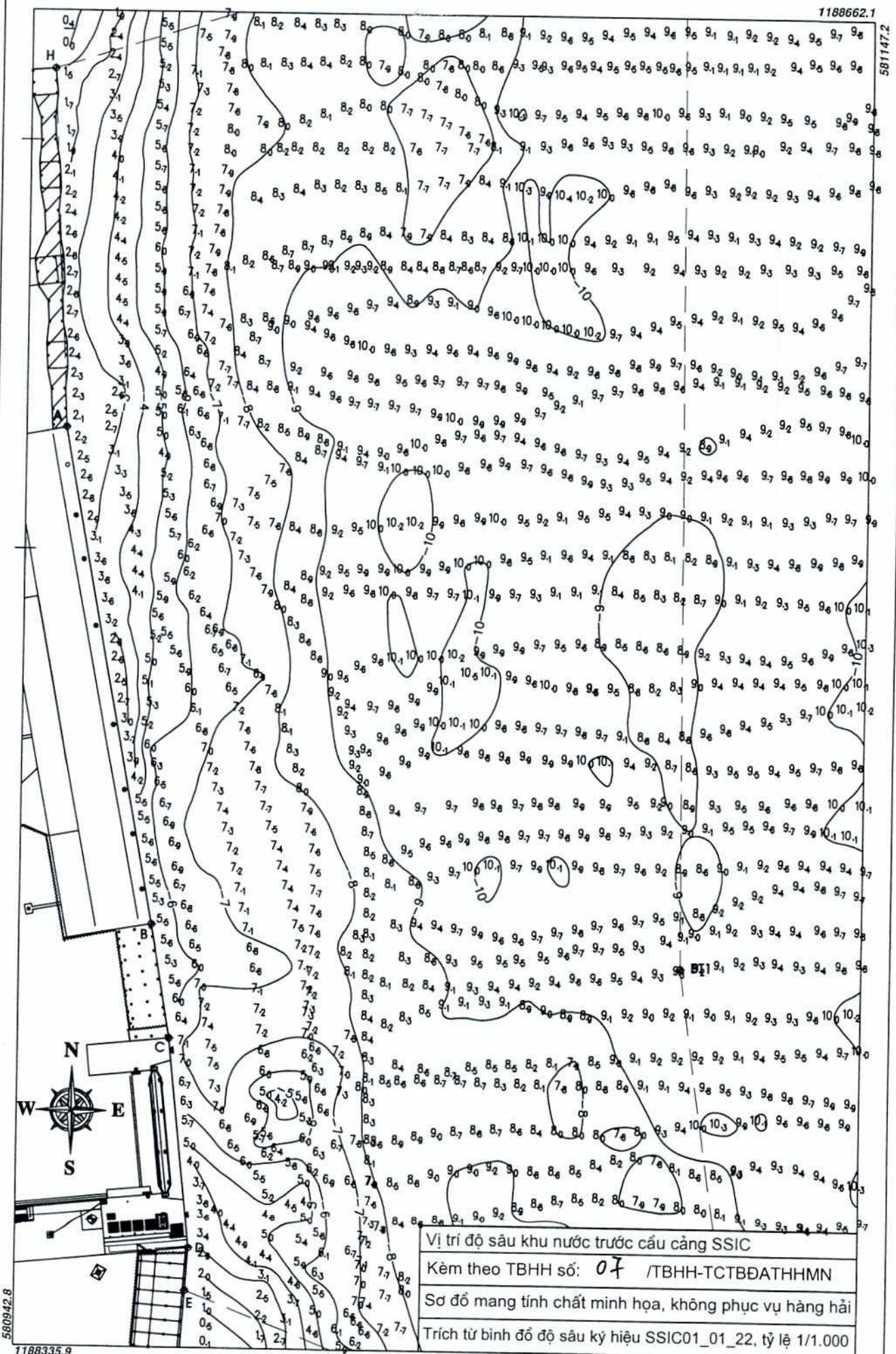
Đinh Thái Công

(1) Tổ chức cung cấp số liệu, thông tin phục vụ việc công bố thông báo hàng hải chịu trách nhiệm trước pháp luật về sự chính xác của số liệu, thông tin minh cung cấp theo khoản 3, điều 47, Nghị định số 58/2017/NĐ-CP.

Danh sách nơi nhận kèm theo

- 1 Bộ Tư lệnh Hải quân
- 2 Bộ Tư lệnh Cảnh sát Biển
- 3 Cục Đường thủy nội địa Việt Nam
- 4 Chi Cục Đường thủy nội địa phía Nam
- 5 Tập đoàn Dầu khí Việt Nam
 - Liên danh Việt – Nga Vietsovpetro (VSP)
 - Tổng Cty CP Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí (PTSC)
 - Tổng Cty Thăm dò & Khai thác Dầu khí (PVEP)
 - Tổng Cty CP Vận tải Dầu khí (PV Trans)
 - Cty CP Vận tải sản phẩm Khí Quốc tế (Gas shipping)
 - Trung tâm Ứng phó Sự cố Tràn dầu khu vực miền Nam
- 6 Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam (Petrolimex)
- 7 Cty CP Vận tải Xăng dầu VITACO
- 8 Cty CP Vận tải Xăng dầu Đường thủy Petrolimex
- 9 Tổng Cty Hàng hải Việt Nam (Vinalines)
 - Cty TNHH MTV Vận tải Biển đông (BISCO)
 - Cty Vận tải biển Container Vinalines (Vinalines Container)
 - Cty Vận tải biển Vinalines (VLC)
 - Cty CP Hàng hải Đông Đô (DONGDO MARINE)
 - Cty CP Vận tải biển & Hợp tác lao động Quốc tế
 - Cty Hàng hải Vinalines Nha Trang
 - Cty Vận tải Biển Bắc
- 10 Cty CP Vận tải và thuê tàu biển Việt Nam (Vitranschart)
- 11 Đại lý Hàng hải Sài Gòn (VOSA Sài Gòn)
- 12 Cty Vận Tải & Cung ứng Xăng Dầu Đường Biển
- 13 Cty Vận tải biển Sài Gòn (SaigonShip)
- 14 Cty cổ phần Vận tải biển Việt Nam(VOSCO)
- 15 Cty CP Vận tải biển VINASHIP
- 16 Bộ đội Biên phòng TP, Hồ Chí Minh
- 17 Phòng Cảnh sát giao thông đường thủy TP,HCM
- 18 Sở GTVT và Sở NN&PTNT TP, Hồ Chí Minh
- 19 Trường Đại học GTVT TP,HCM
- 20 Trường Cao đẳng nghề Hàng hải TP,HCM
- 21 Cty CP Cảng Sài Gòn
- 22 Đài tiếng nói nhân dân Tp,Hồ Chí Minh
- 23 Đài thông tin Duyên hải Tp, Hồ Chí Minh
- 24 Cty Phương Nam – Bộ Quốc phòng
- 25 CN1 – Cty CP Trục vớt Cứu hộ Việt Nam
- 26 Cty Bảo đảm an toàn hàng hải Đông Nam Bộ
- 27 Xí nghiệp Khảo sát hàng hải miền Nam
- 28 Công ty TNHH MTV Công nghiệp Tàu thủy Sài Gòn

350
NG
TO
M
TÀU



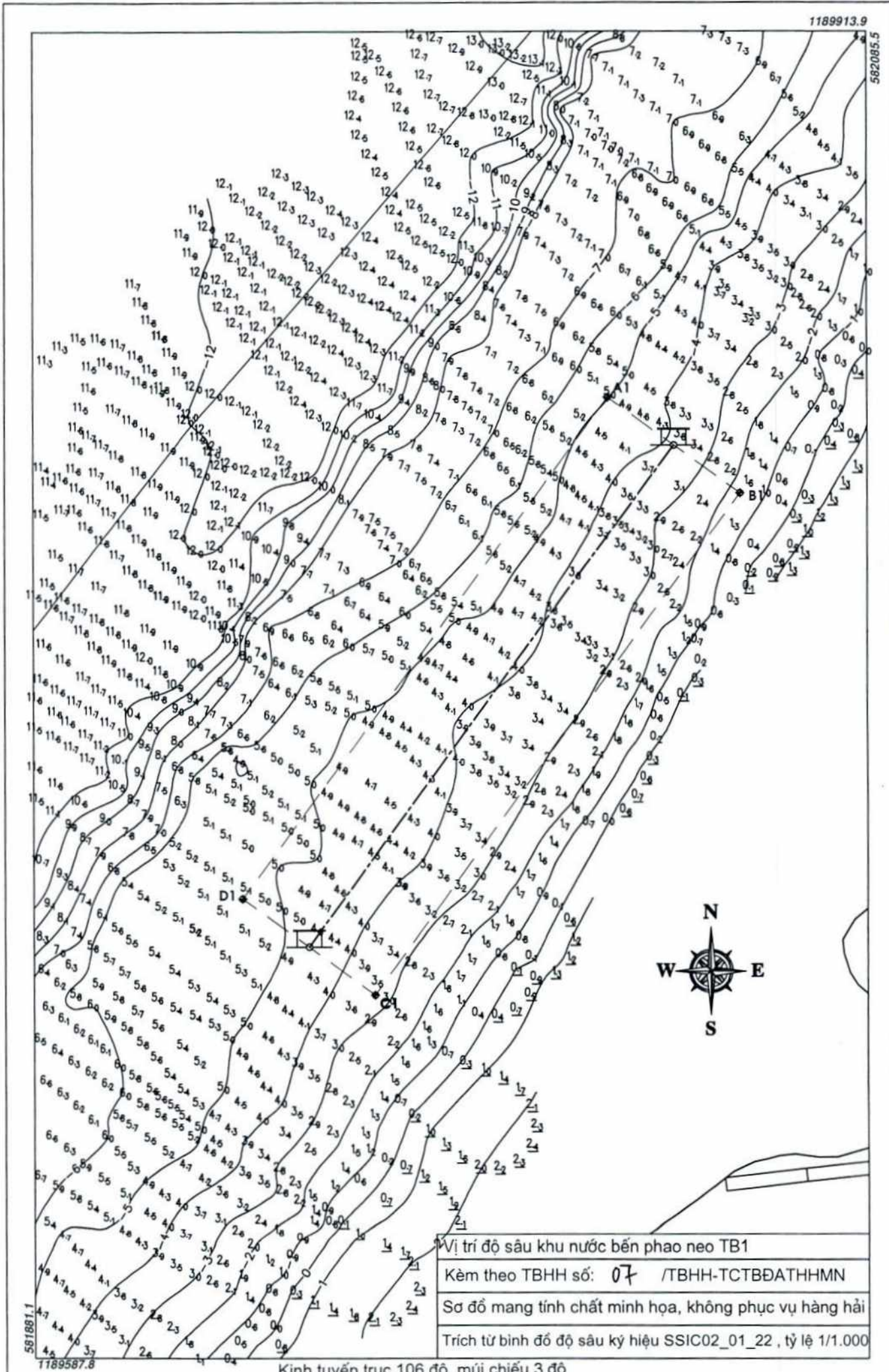
Vị trí độ sâu khu nước trước cầu cảng SSIC
 Kèm theo TBHH số: 07 /TBHH-TCTBĐATHMN
 Sơ đồ mang tính chất minh họa, không phục vụ hàng hải
 Trích từ bình đồ độ sâu ký hiệu SSIC01_01_22, tỷ lệ 1/1.000

580942.8

1188335.9

Kinh tuyến trục 106 độ, múi chiếu 3 độ

010
 0N
 YH
 1H
 NI
 7.B



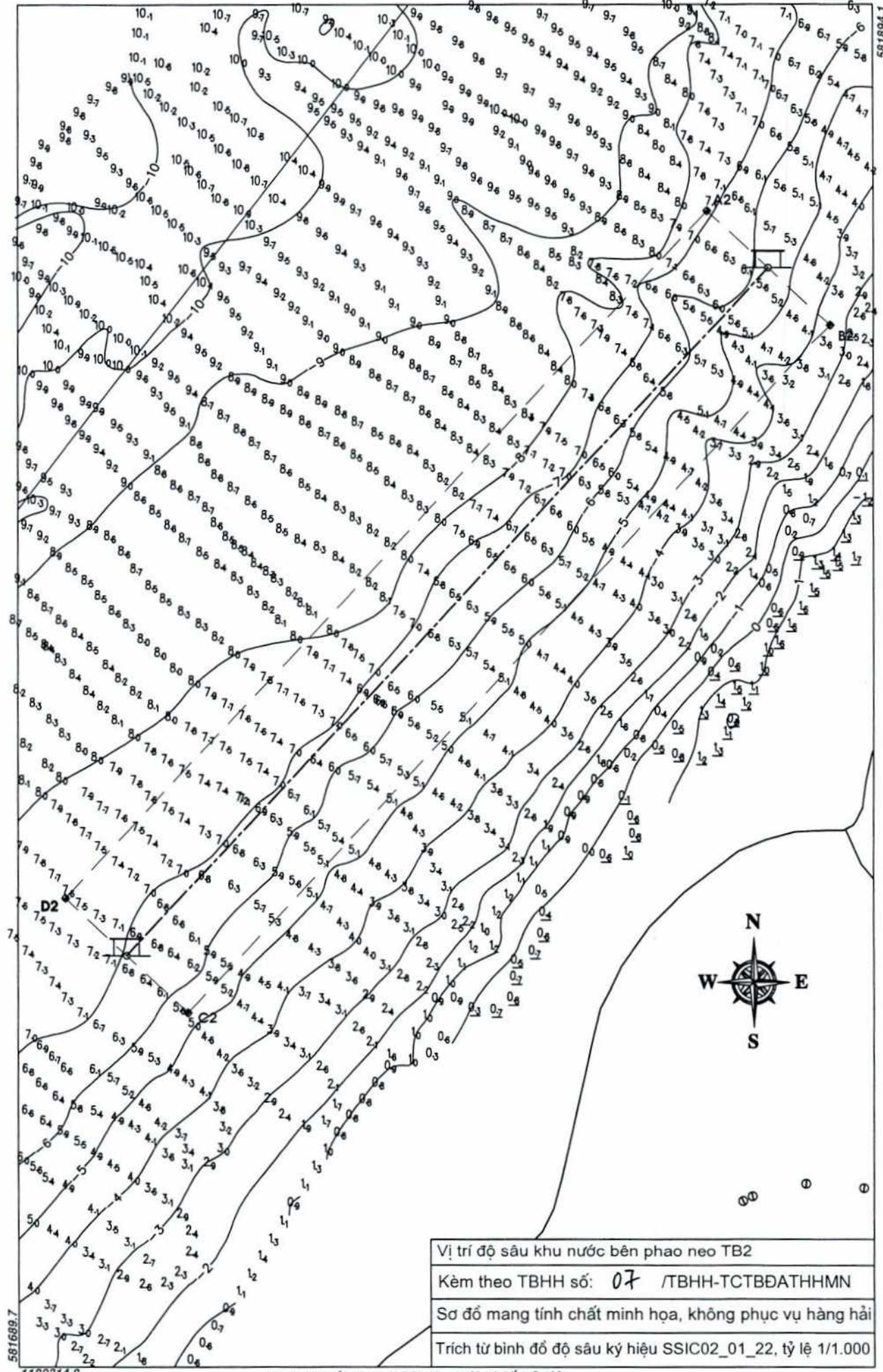
Vị trí độ sâu khu nước bến phao neo TB1
 Kèm theo TBHH số: 07 /TBHH-TCTĐATHHMN
 Sơ đồ mang tính chất minh họa, không phục vụ hàng hải
 Trích từ bình đồ độ sâu ký hiệu SSIC02_01_22, tỷ lệ 1/1.000

Kinh tuyến trực 106 độ, múi chiếu 3 độ

13:
 9
 50
 NC
 AM
 .FI

1189640.2

581894.7



Vị trí độ sâu khu nước bên phao neo TB2

Kèm theo TBHH số: 07 /TBHH-TCTĐATHHMN

Sơ đồ mang tính chất minh họa, không phục vụ hàng hải

Trích từ bình đồ độ sâu ký hiệu SSIC02_01_22, tỷ lệ 1/1.000

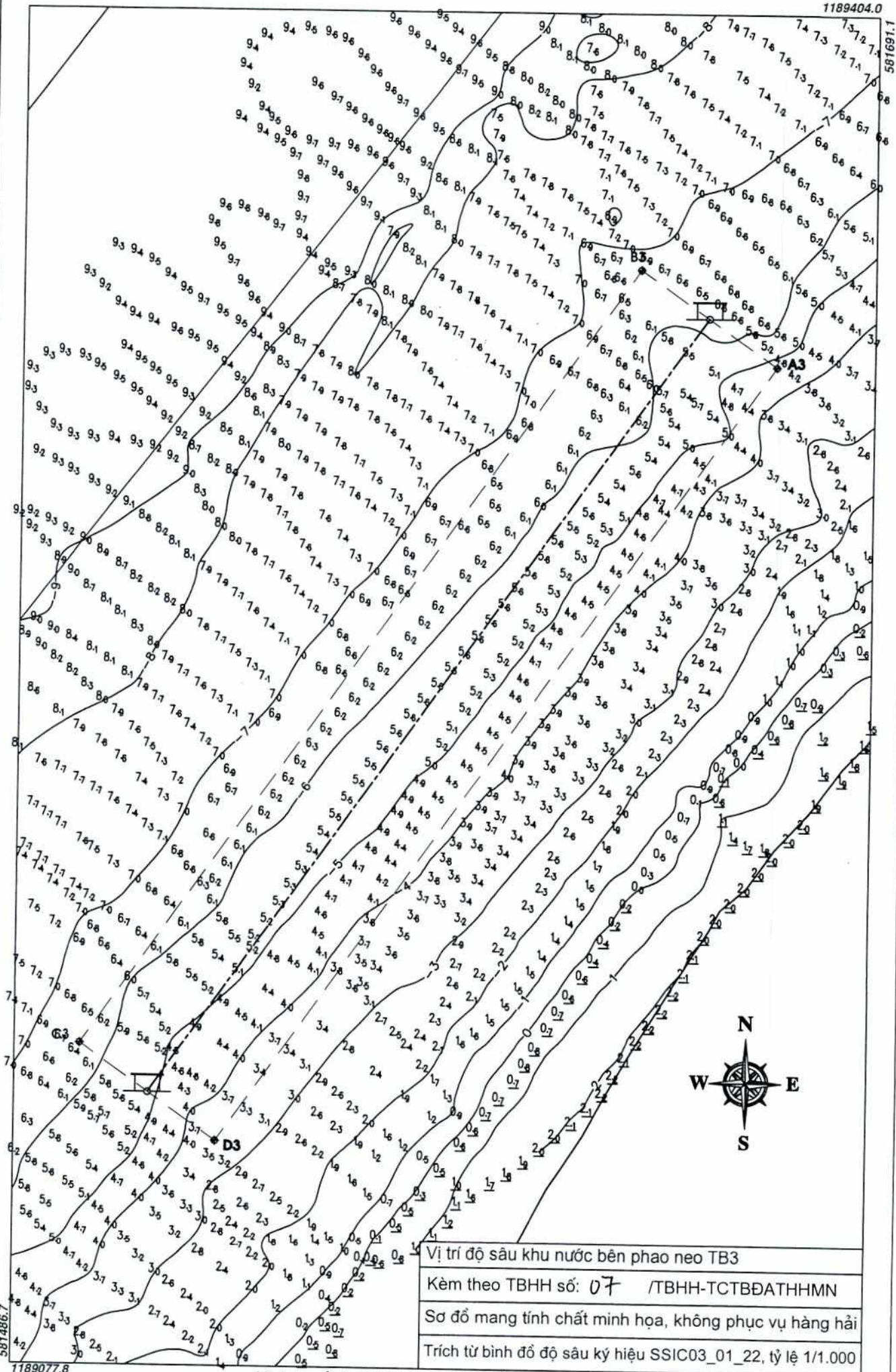
581889.7
1189314.0

Kinh tuyến trục 106 độ, múi chiếu 3 độ

AM
HAI
LUN

1189404.0

581691.7



Vị trí độ sâu khu nước bên phao neo TB3

Kèm theo TBHH số: 07 /TBHH-TCTBĐATHHMN

Sơ đồ mang tính chất minh họa, không phục vụ hàng hải

Trích từ bình đồ độ sâu ký hiệu SSIC03_01_22, tỷ lệ 1/1.000

581486.7
1189077.8

Kinh tuyến trục 106 độ, múi chiếu 3 độ